

UBND HUYỆN KBANG  
TRUNG TÂM VH TT & TT  
Số: 01/TT-TTVH TT & TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc  
Kbang, ngày 01 tháng 01 năm 2018

## TỜ TRÌNH

Kính gửi: - UBND Huyện Kbang;  
- Phòng tài chính kế hoạch huyện.

- Căn cứ nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;.

- Căn cứ quyết định 513/QĐ-UBND ngày 18 tháng 05 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang V/v thành lập Trung tâm văn hoá-thông tin và thể thao huyện Kbang.

- Căn cứ quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2013 của UBND Huyện Kbang về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ và đổi tên đối với Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao huyện Kbang

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm văn hoá-thể thao và thanh thiếu nhi huyện Kbang.

Trung tâm văn hoá-thể thao và thanh thiếu nhi huyện Kbang lập tờ trình lên UBND Huyện Kbang, Phòng TC-KH Huyện Kbang thẩm định phương án thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của đơn vị Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện Kbang năm 2018. Rất mong sự quan tâm, chỉ đạo và cho phép của UBND Huyện, Phòng TC-KH Huyện Kbang để đơn vị hoàn thành thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Trung tâm VH TT & TT.



Nguyễn Công Hòa

Kbang, ngày 15 tháng 12 năm 2017

**PHƯƠNG ÁN**  
**TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 16/2015/NĐ-CP**  
**CỦA CHÍNH PHỦ TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ THAO VÀ**  
**THANH THIẾU NHI HUYỆN KBANG**

- Căn cứ nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2012 của chính phủ về việc quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của bộ nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2012 của chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập ;

- Căn cứ thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ quyết định 513/QĐ-UBND ngày 18 tháng 05 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang “V/v thành lập Trung tâm văn hoá-thông tin và thể thao huyện Kbang”;

- Căn cứ quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2013 của UBND Huyện Kbang về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ và đổi tên đối với Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao huyện Kbang;

- Căn cứ quyết định số: 02/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 05 năm 2016 của ủy ban nhân dân huyện Kbang “Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Thanh thiếu nhi”

- Căn cứ quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện Kbang;

- Căn cứ tình hình thực tế Trung tâm Văn hóa thể thao và thanh thiếu nhi xây dựng phương án tự chủ về tài chính theo nghị định 16/2015/NĐ-CP của chính phủ như sau:

**PHẦN I**  
**ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
**CỦA ĐƠN VỊ:**

**I/ Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn:**

**1/Giới thiệu về Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện Kbang:**

Trung tâm Văn hoá-Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện được thành lập năm 2010 với tên gọi Trung tâm văn hóa – thông tin và thể thao huyện Kbang theo quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 18 tháng 05 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang là đơn vị trực thuộc UBND Huyện Kbang.

Ngày 04 tháng 02 năm 2013 UBND huyện ra quyết định số: 170/QĐ-UBND về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ và đổi tên đối với Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao huyện Kbang thành Trung tâm Văn hoá-Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện Kbang.

Trung tâm Văn hoá-Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trụ sở đặt tại 226 Quang Trung - Kbang - Gia Lai.

## **2/Chức năng:**

- Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội của địa phương;

- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao và du lịch ở cơ sở;

- Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

- Tập hợp vận động Thanh thiếu nhi và tổ chức các hoạt động nhằm đáp ứng các nhu cầu về học tập, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng, mô hình hoạt động Đoàn-Hội- Đội, giao lưu sinh hoạt, trao đổi kinh nghiệm và vui chơi giải trí cho các đối tượng thanh thiếu nhi.

## **3/Nhiệm vụ và quyền hạn:**

- Căn cứ chương trình phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của địa phương để xây dựng kế hoạch hoạt động của Trung tâm Văn hóa Thể thao và Thanh thiếu nhi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách báo, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật;

- Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao; hướng dẫn kỹ thuật, phương pháp và điều kiện tập luyện cho các tổ chức và cá nhân;

- Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, các giải thi đấu thể thao và hướng dẫn phong trào văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao ở cơ sở;

- Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao;

- Sưu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các môn thể thao truyền thống;

- Tổ chức các hoạt động chuyên môn, các loại hình dịch vụ văn hóa, thể thao và các hoạt động dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức sự nghiệp;

- Tổ chức các hình thức hoạt động thanh thiếu nhi ở ngoài nhà trường, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ và phát huy sở trường, năng khiếu cho cán bộ hoạt động phong trào của Đoàn-Hội -Đội;

- Xây dựng các câu lạc bộ, đội nhóm theo chuyên đề, lĩnh vực nhằm phát huy khả năng sáng tạo, bồi dưỡng năng khiếu; Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan, dã ngoại tạo sân chơi giải trí lành mạnh bổ ích đáp ứng nhu cầu chính đáng của thanh thiếu nhi về văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các mô hình sinh hoạt cộng đồng;

- Tổ chức các hoạt động phong trào của Thanh thiếu nhi nhà trường và các nhiệm vụ chính trị xã hội ở địa phương, coi đó là một phương tiện giáo dục thực tiễn cho các em thanh thiếu nhi;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các hoạt động tư vấn cho thanh thiếu niên trên các lĩnh vực, tổ chức các dịch vụ văn hóa, thông tin và các hoạt động dịch vụ trong phạm vi hoạt động của trung tâm nhằm khai thác, nâng cao cơ sở vật chất của Trung tâm trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và sự cho phép của UBND huyện;

- Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin, phong trào Thanh thiếu nhi với các đơn vị, tổ chức cá nhân trong và ngoài huyện.

- Quản lý nhà truyền thống, nhà lưu niệm Anh Hùng Núp, Thư viện và các điểm di tích lịch sử được UBND huyện giao theo đúng mục đích, khai thác thể mạnh và giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

- Quản lý công chức, viên chức, người lao động, tài chính và tài sản theo quy định của pháp luật, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện giao theo quy định của pháp luật.

## **II/CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CỦA ĐƠN VỊ:**

### **1/Cơ cấu tổ chức:**

Trung tâm Văn hoá thể thao và thanh thiếu nhi huyện Kbang là đơn vị sự nghiệp công xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và quản lý viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; thuê hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ

Trung tâm Văn hoá thể thao và thanh thiếu nhi huyện Kbang hiện có 01 giám đốc, 01 phó giám đốc và các viên chức, nhân viên hợp đồng lao động.

- Giám đốc trực tiếp lãnh đạo, điều hành trung tâm, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao toàn bộ hoạt động của trung tâm.

- Phó giám đốc là người giúp giám đốc quản lý, điều hành một số mặt công tác do giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi vắng mặt, Giám đốc có thể ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành và giải quyết công việc của đơn vị;

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với giám đốc, phó giám đốc do chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật;

- Viên chức và các nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

- Trung tâm văn hóa thể thao và Thanh thiếu nhi huyện được tổ chức thành bốn tổ nghiệp vụ gồm:

+ Tổ hành chính tổng hợp: Thực hiện nhiệm vụ về hành chính-quản trị, tổng hợp văn phòng, xây dựng kế hoạch, tài chính, kế toán; khai thác, tổ chức các dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch, thanh thiếu nhi theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả năng lực cán bộ, cộng tác viên và cơ sở vật chất của đơn vị, bảo vệ tài sản cơ quan;

+ Tổ nghiệp vụ: (gồm 3 bộ phận : văn hóa quần chúng, Thanh thiếu nhi, thể dục thể thao)

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa-văn nghệ cho cơ sở.

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động tập luyện, thi đấu thể dục-thể thao, hướng dẫn phong trào thể dục-thể thao cho cơ sở.

Quản lý điều hành các loại hình sinh hoạt câu lạc bộ, đội nhóm sở thích, hoạt động giao lưu của Thanh thiếu nhi, các lớp năng khiếu và bồi dưỡng những cán bộ hoạt động cho phong trào của Thanh thiếu nhi.

Luyện tập xây dựng các chương trình văn nghệ, đội văn nghệ quần chúng, các loại hình sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu về nghệ thuật

+ Đội Thông tin lưu động:

Biên soạn tài liệu thông tin tuyên truyền, luyện tập chương trình, tổ chức tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội từ huyện đến cơ sở. Kẻ vẽ panô, áp phích, khẩu hiệu, trang trí, tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị.

Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ truyền truyền, cổ động cho cán bộ văn hóa thông tin cơ sở và thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền cổ động, nghiên cứu tổ chức các hoạt động liên hoan, hội thi, hội diễn, các lễ hội truyền thống.

+ Tổ quản lý nhà truyền thống, Thư viện nhà lưu niệm Anh Hùng Núp và các điểm di tích lịch sử được UBND huyện giao:

Quản lý cơ sở vật chất, phương tiện, hiện vật, trang thiết bị, nghiên cứu phục vụ nhu cầu tìm hiểu của khách tham quan, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Lập kế hoạch tham mưu việc sưu tầm, phục chế, trưng bày, thuyết minh tại các công trình kiến trúc hiện có và trưng bày hiện vật lịch sử. Kiểm kê bảo quản phát huy tốt hiện vật, cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan, môi trường khu di tích sạch đẹp.

Quản lý khai thác thông tin, sách báo, thư viện, internet phục vụ nhu cầu đọc giả, tham mưu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu đời sống tinh thần cho nhân dân.

## **2/Biên chế:**

- Biên chế của Trung tâm VH TT&TTN do UBND huyện quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao hàng năm trên cơ sở vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp theo quy định.

- Ngoài biên chế khung được giao hàng năm, Trung tâm VH TT&TTN huyện được phép ký hợp đồng thuê, khoán đối với những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên, ký hợp đồng lao động và các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực tế, giám đốc Trung tâm VH TT&TTN phối hợp phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Biên chế và lao động của trung tâm hiện có như sau: 14 biên chế (Trong đó: 12 biên chế và 02 hợp đồng theo ND 68), ngoài ra còn có 2 CBVC khác: 01 CB kiêm nhiệm phó giám đốc, 01 CB làm hợp đồng làm bảo vệ, quản lý sân bóng đá từ nguồn thu tại đơn vị.

**\* Ban giám đốc: 03 người**

+ 01 giám đốc: ông Nguyễn Công Hòa-Phụ trách chung

+ 01 phó giám đốc: ông Đinh A Ngui

+ 01 phó giám đốc: bà Nguyễn Thị Thu Nhi-Kiểm nhiệm

**\* Bộ phận hành chính tổng hợp: 02 người**

+ 01 CBVC kế toán: bà Phan Thị Thanh Tiên - phụ trách kế toán đơn vị

+ 01 CBVC hành chính tổng hợp : bà Ngô Thị Loan -phụ trách báo cáo, tổng hợp các văn bản ban hành đi và đến, phụ trách các công tác liên quan đến các hoạt động của trung tâm VH TT&TTN

**\* Bộ phận thông tin lưu động: 04 người**

+ 01 nhạc công: ông Nguyễn Văn Tiến

+ 01 Biên đạo, dàn dựng chương trình: bà Hà Thị Thắm

+ 01 Cổ động trực quan: ông Nguyễn Duy Chính- Làm công tác cổ động trực quan pano, apphich tại đơn vị.

+ 01 Lái xe kiêm kỹ thuật âm thanh, ánh sáng của đơn vị: ông Huỳnh Văn

Quốc

**\* Bộ phận thể dục thể thao: 01 người**

+ 01 Phụ trách công tác Thể dục thể thao: Ông Nguyễn Thanh Hòa

**\* Bộ phận Thư viện, nhà truyền thống; nhà lưu niệm Anh Hùng Núp: 05 người**

+ 01 Phụ trách thư viện: bà Hoàng Thị Hằng

+ 01 Phụ trách nhà truyền thống: ông Nguyễn Xuân Tập

+ 01 quản lý nhà lưu niệm Anh Hùng Núp: bà Võ Thị Quỳnh Như- Làm công tác quản lý hướng dẫn phục vụ nhân dân đến thăm quan tại nhà lưu niệm Anh Hùng Núp.

+ 01 quản lý tại khu làng kháng chiến Sittor phục dựng lại: ông Đinh Mối- Làm công tác quản lý trông coi tổ chức hoạt động làng nghề tại khu làng kháng chiến Sittor phục dựng lại.

+ 01 bảo vệ: ông Huỳnh Hữu Tường: bảo vệ nhà lưu niệm Anh Hùng Núp.(Nghị Định 68)

- Ngoài ra 01 bảo vệ được hợp đồng để trông coi bảo vệ trung tâm, coi và quản lý sân bóng đá mini.

- 01 cán bộ biệt phái phụ trách thanh thiếu nhi đã được rút về huyện đoàn nên hiện đang thiếu viên chức phụ trách mảng thanh thiếu nhi tại đơn vị.

Tổng số con người hiện có tại đơn vị 16 người.

## **PHẦN II**

### **QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH**

#### **I/NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:**

##### **1/Phân loại đơn vị sự nghiệp:**

- Trung tâm văn hóa thể thao và Thanh thiếu nhi huyện là đơn vị sự nghiệp có nguồn thu thấp, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Kbang, đơn vị có nguồn thu sự nghiệp thấp không đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên nên được ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với đơn vị không phải là tổ chức khoa học công nghệ); kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; vốn đầu tư phát triển; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao.

##### **2/Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách:**

Thực hiện các quy định tiết kiệm theo quy định hiện hành.

#### **II/QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH:**

##### **1/Nguồn tài chính của Trung tâm VH TT&TTN:**

Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên của đơn vị do NSNN cấp bao gồm:

+ Nguồn ngân sách do UBND huyện phê duyệt phân bổ kinh phí cho sự nghiệp văn hóa, sự nghiệp thể dục thể thao, nghị định 68 trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kinh phí đảm bảo cho các hoạt động theo kế hoạch được giao, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ phục vụ hoạt động sự nghiệp theo kế hoạch hàng năm..

+ Nguồn thu hoạt động sự nghiệp: Thu tiền thuê mặt bằng tại sân vận động, tại nhà văn hoá để tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, cưới hỏi và dịch vụ giải khát phục vụ nhu cầu hưởng thụ của nhân dân trên địa bàn, thu từ việc cho thuê sân bóng đá mini, cho thuê các phòng chức năng, thuê hội trường âm thanh ánh sáng.

- Nội dung chi từ ngân sách nhà nước cấp:

+ Lương và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản chi BHXH, BHYT, BHTN cho CBVC và người lao động của Trung tâm.

+ Chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ: tổ chức các hoạt động và tham gia các hội thi, hội diễn, giải thi đấu ...

+ Chi phí thường xuyên: Vật tư văn phòng, dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc- báo chí, công tác phí, hội nghị phí.v.v

+ Chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

+ Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật: chi nộp phí lệ phí theo qui định hiện hành, chi hỗ trợ....

- Nội dung chi từ nguồn thu hoạt động tại đơn vị:

+ Sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

Tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm, đối với loại hình mà đơn vị đăng ký thì 70% còn lại của nguồn thu sự nghiệp, sau đã trích 25% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi 5%, được thực hiện như sau:

+ 40% trích quỹ cải cách tiền lương

+ 60% chi tăng thu nhập cho cá nhân

## **2/ Các giải pháp về tài chính:**

### **\* Nguồn ngân sách cấp:**

- Hàng năm kinh phí cấp theo qui định.

- Phân bổ kinh phí theo kế hoạch hoạt động của năm.

### **\* Nguồn chi ngân sách:**

- Căn cứ kế hoạch phân bổ thực hiện nhiệm vụ chính trị

- Chi phí thực hiện kế hoạch trong năm hưởng trên cơ bản lương ngạch bậc ngoài ra nếu phát sinh sẽ hưởng theo qui chế chi tiêu nội bộ.

- Tập luyện trong giờ làm việc, hạn chế tối đa việc tập ngoài giờ để tiết kiệm thời gian, chi phí điện, nước, v.v...

- Văn phòng phẩm phải đảm bảo chi tối thiểu, không được tự ý photo những tài liệu không cần thiết;

- Điện thoại cơ quan phải đảm bảo không tùy tiện sử dụng riêng cho cá nhân;

- Công tác phí thanh toán đúng theo qui định;

- Chỉ cho các cuộc hội thi, hội diễn, thông tin triển lãm theo đúng chức năng và nhiệm vụ bám theo kế hoạch hằng năm, chấm công trực và chi bồi dưỡng theo đúng chế độ hiện hành.

- Sửa chữa - Mua sắm: phải hết sức tiết kiệm

### **\* Các nguồn thu như :**

- Thu hợp đồng thuê sân bãi các đoàn nghệ thuật, mặt bằng hoạt động dịch vụ phục vụ lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, ...

- Thu các hoạt động nghiệp vụ khác như: hội trường, âm thanh, ánh sáng...

- Thu xây dựng chương trình văn nghệ cho các đơn vị khác khi có yêu cầu (có hợp đồng cụ thể).

- Thu cho thuê mặt bằng, phòng chức năng trong khuôn viên quản lý.

### **\* Chi phí từ các khoản thu trên:**

Sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên (nếu có), đơn vị sẽ trích như sau:

- Trích 25% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- Quỹ phúc lợi 5%
- 70% còn lại được thực hiện như sau:
- + 40% trích quỹ cải cách tiền lương
- + 60% chi tăng thu nhập cho cá nhân

### **3/ Về lập dự toán, chấp hành dự toán thu, chi:**

- Giám đốc được quyền căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ năm kế hoạch, chế độ chi tiêu hiện hành, lập dự toán thu chi năm kế hoạch trình UBND Huyện phê duyệt cấp kinh phí bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động của đơn vị.

- Trong quá trình thực hiện dự toán giám đốc được quyền điều chỉnh các nội dung chi, các nhóm mục chi trong dự toán chi được phê duyệt cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên và KBNN nơi đơn vị mở tài khoản theo dõi, quản lý, thanh quyết toán.

### **4/ Về xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:**

- Để chủ động sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên được giao đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, giám đốc đơn vị được quyền xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị làm căn cứ cho cán bộ, viên chức và người lao động thực hiện.

- Sau khi đã được tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ công khai trong đơn vị và có ý kiến của cấp có thẩm quyền, giám đốc ký quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Nội dung quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu nhất trong đơn vị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả và tăng cường được khả năng quản lý tài chính của giám đốc tại đơn vị.

## **PHẦN III**

### **DỰ TOÁN THU, CHI**

**I/ DỰ TOÁN THU, CHI NSNN SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN, SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO, DI TÍCH LỊCH SỬ NĂM 2018:**

**ĐVT: 1.000 đồng**

| Số TT | Nội dung                                     | Năm trước liền kề |           | Năm đầu giai đoạn ổn định phân loại |
|-------|----------------------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------------------|
|       |                                              | Dự toán 2017      | Ước TH    |                                     |
| A     | Thu, chi thường xuyên                        |                   |           |                                     |
| I     | Thu sự nghiệp:                               | 1.248.000         | 1.223.325 | 120.000                             |
| 1     | Số phí, lệ phí được để lại chi theo quy định | 0                 | 0         | 0                                   |
| 2     | Thu hoạt động dịch vụ kinh doanh             | 120.000           | 95.325    | 120.000                             |

|            |                                                                                                                         |           |           |           |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
|            |                                                                                                                         | 0         | 0         | 0         |
| 3          | Thu khác                                                                                                                |           |           |           |
| 4          | Thu NSNN cấp:                                                                                                           | 1.128.000 | 1.128.000 | 0         |
|            | <i>sự nghiệp VH TT</i>                                                                                                  | 1.064.000 | 1.064.000 |           |
|            | <i>sự nghiệp TD TT</i>                                                                                                  | 64.000    | 64.000    |           |
|            |                                                                                                                         | 1.248.000 | 1.212.952 | 1.253.293 |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                                                 |           |           |           |
| <b>1</b>   | <b>Chi từ hoạt động dịch vụ kinh doanh</b>                                                                              | 120.000   | 84.952    | 120.000   |
| <b>1.1</b> | <b>Chi nộp các khoản cho NSNN</b>                                                                                       | 7.500     | 4.364     | 7.500     |
|            | Thuế môn bài                                                                                                            | 1.000     | 1.000     | 1.000     |
|            | Thuế GTGT                                                                                                               | 3.000     | 1.682     | 3.000     |
|            | Thuế TNDN                                                                                                               | 3.000     | 1.682     | 3.000     |
|            | Mua hóa đơn                                                                                                             | 500       |           | 500       |
| <b>1.2</b> | <b>Chi thanh toán cá nhân</b>                                                                                           | 32.815    | 33.980    | 35.139    |
|            | Tiền lương                                                                                                              | 21.780    | 22.591    | 23.400    |
|            | Phụ cấp lương                                                                                                           | 5.808     | 6.025     | 6.240     |
|            | Các khoản đóng góp                                                                                                      | 5.227     | 5.364     | 5.499     |
| <b>1.3</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                                                 | 47.811    | 23.815    | 45.487    |
|            | Thanh toán dịch vụ công cộng                                                                                            | 19.600    | 7.475     | 19.600    |
|            | Chi phí thuê mướn                                                                                                       | 3.211     |           | 887       |
|            | Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên | 8.000     |           | 8.000     |
|            | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành                                                                                  | 17.000    | 16.340    | 17.000    |
|            | Chi khác                                                                                                                |           |           |           |
| <b>1.4</b> | <b>Trích 40% thực hiện CCTL</b>                                                                                         | 31.874    | 22.793    | 31.874    |
| <b>2</b>   | <b>Chi từ nguồn NSNN cấp</b>                                                                                            | 1.128.000 | 1.128.000 | 1.133.293 |
| <b>2.1</b> | <b>Sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                                                                      | 1.064.000 | 1.064.000 | 1.075.293 |
| <b>a</b>   | <b>Chi thanh toán cá nhân</b>                                                                                           | 814.910   | 817.498   | 852.583   |
|            | Tiền lương                                                                                                              | 512.120   | 510.167   | 550.212   |
|            | Phụ cấp lương                                                                                                           | 156.342   | 166.809   | 159.210   |
|            | Tiền thưởng                                                                                                             | 18.450    | 3.700     | 7.900     |
|            | Phúc lợi tập thể                                                                                                        | 3.000     | 2.800     | 2.897     |
|            | Các khoản đóng góp                                                                                                      | 124.998   | 127.692   | 132.364   |
|            | Các khoản thanh toán khác cho cá nhân                                                                                   |           | 6.330     |           |
| <b>b</b>   | <b>Chi về hàng hóa, dịch vụ</b>                                                                                         | 198.850   | 218.580   | 195.210   |
|            | Thanh toán dịch vụ công cộng                                                                                            | 26.400    | 28.755    | 26.400    |
|            | Vật tư văn phòng                                                                                                        | 14.000    | 20.322    | 20.000    |
|            | Thông tin, tuyên truyền, liên lạc                                                                                       | 7.500     | 3.816     | 7.500     |
|            | Công tác phí                                                                                                            | 19.600    | 33.673    | 22.000    |
|            | Chi phí thuê mướn                                                                                                       | 2.000     |           |           |

|            |                                                                                                                         |               |               |                   |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|-------------------|
|            | Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên | 29.000        | 28.710        | 18.000            |
|            | Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành                                                                                  | 100.350       | 103.304       | 101.310           |
| <b>c</b>   | <b>Chi khác</b>                                                                                                         | 24.240        | 27.922        | 27.500            |
|            | Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL                                                                                            | 26.000        |               |                   |
| <b>2.2</b> | <b>Sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                                                                       | <b>64.000</b> | <b>64.000</b> | <b>58.000</b>     |
| <b>a</b>   | <b>Chi thanh toán cá nhân</b>                                                                                           | <b>53.881</b> | <b>53.776</b> | <b>57.680</b>     |
|            | Tiền lương                                                                                                              | 38.768        | 38.206        | 41.652            |
|            | Phụ cấp lương                                                                                                           | 5.808         | 6.024         | 6.240             |
|            | Các khoản đóng góp                                                                                                      | 9.305         | 9.546         | 9.788             |
| <b>b</b>   | <b>Chi về hàng hóa, dịch vụ</b>                                                                                         | <b>10.119</b> | <b>10.224</b> | <b>320</b>        |
|            | Thanh toán dịch vụ công cộng                                                                                            | 3.400         | 2.081         |                   |
|            | Vật tư văn phòng                                                                                                        | 719           |               | 320               |
|            | Công tác phí                                                                                                            | 6.000         | 8.143         |                   |
| <b>III</b> | <b>Chênh lệch đề nghị NSNN cấp (I-II)</b>                                                                               | <b>0</b>      | <b>10.373</b> | <b>-1.133.293</b> |

**DỰ TOÁN THU, CHI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**  
**ĐVT: 1.000 đồng**

| STT      | Nội dung                                | Tổng thu          |          |                           | Nộp NSNN          |              |                           | Được để lại chi   |               |                           |
|----------|-----------------------------------------|-------------------|----------|---------------------------|-------------------|--------------|---------------------------|-------------------|---------------|---------------------------|
|          |                                         | Năm trước liền kề |          | Năm đầu ổn định phân loại | Năm trước liền kề |              | Năm đầu ổn định phân loại | Năm trước liền kề |               | Năm đầu ổn định phân loại |
|          |                                         | Dự toán năm 2018  | Ước TH   |                           | Dự toán năm 2017  | Ước TH       |                           | Dự toán năm 2017  | Ước TH        |                           |
| 1        | 2                                       | 3                 | 4        | 5                         | 6                 | 7            | 8                         | 9                 | 10            | 11                        |
| <b>I</b> | <b>Hoạt động dịch vụ</b>                | <b>120.000</b>    | <b>0</b> | <b>0</b>                  | <b>5.500</b>      | <b>4.364</b> | <b>4.600</b>              | <b>120.000</b>    | <b>95.325</b> | <b>90.9</b>               |
|          | Chi tiết theo từng loại dịch vụ         |                   |          |                           |                   |              |                           |                   |               |                           |
|          | Cho thuê mặt bằng tổ chức các hoạt động | 15.000            |          |                           |                   |              |                           |                   |               |                           |
|          | Cho thuê sân bóng đá mini               | 60.000            |          |                           |                   |              |                           |                   |               |                           |
|          | Cho thuê mặt bằng mở dịch vụ giải khát  | 18.000            |          |                           |                   |              |                           |                   |               |                           |
|          | Cho thuê phòng chức năng                | 18.000            |          |                           |                   |              |                           |                   |               |                           |

|                                                                            |       |  |  |  |  |  |  |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------|-------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Cho thuê hội trường<br>âm thanh ánh sáng<br>tổ chức hội họp, hội<br>diễn.. | 9.000 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------|-------|--|--|--|--|--|--|--|--|

Tình hình hoạt động thu của đơn vị còn gặp nhiều khó khăn, do trên thực tế sân vận động thường cho các đoàn thuê đã chuyển làm quảng trường, hoạt động aerobic không phát triển được nên không có cá nhân thuê phòng tập, hoạt động đá bóng cũng giảm sút.. các điều kiện để tạo nguồn thu chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ các hoạt động chưa cao dẫn đến việc thu các hoạt động chưa đảm bảo. Nguồn thu của đơn vị không thể đảm bảo kinh phí tổ chức các hoạt động nhiều.

#### PHẦN IV KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1/ Cần quan tâm đầu tư nguồn kinh phí tổ chức các hoạt động phong trào Văn hóa, thể thao năm 2018.

2/ Kinh phí cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao cần được đảm bảo theo kế hoạch đề ra đầu năm theo dự toán để đảm bảo nhu cầu cũng như tình hình thực tế hiện nay.

3/ Bổ sung thêm cho đơn vị một số máy móc trang thiết bị chuyên dụng cần thiết cho công tác chuyên môn của đơn vị như máy tính cho các bộ phận còn thiếu phục vụ công tác hàng ngày, máy tính chuyên dụng cho công tác thiết kế pano áp phích tuyên truyền, máy quay phim, máy chiếu lưu động phục vụ công tác tuyên truyền tại cơ sở...

4/ Đơn vị là một đơn vị hoạt động phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa thể thao trên địa bàn huyện nên không thể đảm bảo được nguồn thu cần được sự quan tâm của cấp trên về kinh phí và các điều kiện khác để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đề nghị xếp đơn vị vào loại hình tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, có nguồn thu thấp). (Có phụ lục 03 kèm theo)

Trên đây là phương án thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của đơn vị Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện Kbang với những định hướng mục tiêu trước mắt và lâu dài sẽ dần điều chỉnh thích hợp trong quá trình triển khai trong thời gian tới. Đơn vị sẽ phải thường xuyên quán triệt và nhận thức rõ những thử thách mới, thời cơ mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra trên cơ sở thực hiện những giải pháp tổng thể và đồng bộ. Kính trình Ủy ban nhân dân huyện Kbang xem xét phê duyệt phương án nhằm hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Thanh thiếu nhi huyện Kbang hoàn thành phương án đưa vào hoạt động trong năm 2018./.

#### Nơi nhận:

- UBND huyện (phê duyệt);
- Phòng TC-KH;
- Lưu: TTVHTT&TTN.



Nguyễn Công Hòa